TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2026/HS-ST
Ngày 13 - 3 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Thẩm phán: Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên, bà Trịnh Thị Kim Thanh, bà Nguyễn Thị Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Sùng Mí C; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/11/1995 tại tỉnh Tuyên Quang.

Số CCCD: 002095010701 cấp ngày 25 tháng 6 năm 2021. Nơi cấp: Cục C4 về TTXH Bộ C5.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; chức vụ đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Nhìa S, sinh năm 1957 và bà Vừ Thị M, sinh năm 1957; anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư; vợ: Năm 2009 bị cáo sống chung như vợ chồng với Lầu Thị M1, sinh năm 1990 đến năm 2015 thì Lầu Thị M1 bỏ đi, có 02 con chung là: Lầu Thị S1 và Sùng Thị M2; năm 2017, bị cáo sống chung như vợ chồng với Sùng Thị K, sinh năm 2000 và có 03 con chung là: Sùng Mí H, Sùng Mí H1, Sùng Thị M2; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2025 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí C:

1. Ông Nguyễn Văn T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T2 tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Bà Trần Thị Kim O - Luật sư thuộc Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

** Bị hại:*

1. Anh Sùng Mí G, sinh năm 1987; địa chỉ:Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Sùng Mí N, sinh năm 1989; địa chỉ:Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

** Người đại diện hợp pháp của bị hại Thào Mí M4 (đã chết):*

1. Chị Lầu Thị V, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Q, xã S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Anh Thào Mí S2, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Q, xã S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10/8/2025 đến ngày 17/8/2025 Sùng Mí C, sinh năm 1995, trú tại thôn Q, xã S, tỉnh Tuyên Quang thường xuyên sử dụng rượu. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 18/8/2025, Sùng Mí C ngủ dậy đến vị trí cửa chính nhà lấy 01 *(Một)* con dao đang cắm ở xà ngang cửa chính từ trước *(con dao kim loại dạng dao nhọn một lưỡi sắc, sống dao thẳng, lưỡi dao vát cong nhọn dần về hướng mũi dao, chuôi dao có một phần bằng kim loại được gắn chuôi gỗ dạng hình trụ tròn, tổng chiều dài cả phần chuôi gỗ và phần dao kim loại là 46,4 cm, phần dao kim loại dài 31,4 cm, lưỡi dao bản rộng nhất là 4,5 cm, phần chuôi gỗ dài 15 cm)* để con dao dưới nền sân trước mặt và ngồi một mình tự nói lẩm bẩm. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, Thào Mí C, sinh năm 1992 là Trưởng thôn Quả Lủng nhận được tin báo về việc Sùng Mí C có biểu hiện bất thường tại nhà riêng nên đã cử anh Thào Mí N1, sinh năm 1996, là Tổ trưởng tổ An ninh trật tự thôn đến nhà C xác minh, khi đến thấy Sùng Mí C có biểu hiện tâm lý không bình thường nên N1 bảo với Sùng Thị K, sinh năm 2000 (Sống chung như vợ chồng với C) để ý và trông coi Sùng Mí C, đồng thời nói với Cở nhà không được mang dao đi đâu gây mất an ninh trật tự, nói xong N1 đi về để báo cáo lại việc xác minh cho Thào Mí C (trưởng thôn). Khi N1 vừa đi khỏi thì Sùng Mí C cầm dao lên và nhìn về hướng Khú, đứng dậy đuổi K để chém, thấy vậy K bỏ chạy lên đồi phía sau nhà để trốn, Sùng Mí C cầm dao đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Sùng Mí C cầm dao đi bộ từ nhà xuống đường bê tông liên thôn đi vào thôn Q (hướng thôn Q đi thôn H*)*, đi được khoảng 200 mét Sùng Mí C vào nhà anh Sùng Mí M5, sinh năm 1987, trú cùng thôn với C *(nhà Mỷ bên phải, bên trên đường bê tông)*, khi vào đến sân nhà anh M5, thì thấy anh M5 cùng vợ là Thào Thị M6, sinh năm 1982 và con trai là Sùng Mí T1, sinh năm 2011 đang ở nhà. Sùng Mí C đứng ở sân trước cửa nhà, tay phải cầm dao nhọn, tự nói lảm nhảm, thấy C có biểu hiện doạ nạt, đòi đánh, chém anh M5 nên chị M6 và cháu T1 đang đứng ở hè trước cửa nhà bỏ chạy lên đồi phía sau nhà, còn anh M5 chạy vào nhà đóng cửa chính lại và chạy theo cửa ngách xuống bếp ra ngoài, Sùng Mí C cầm dao chạy lên hè dùng chân đạp cửa chính để tìm anh M5, thấy vậy anh M5 bỏ chạy.

Thấy nhà anh M5 không còn ai nên Sùng Mí Ccầm dao đi ra khỏi nhà anh M5 đến đường sau đó đi quay lại về hướng nhà C, khi đi được khoảng 20 mét thì gặp anh Sùng Mí G, sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang di chuyển bằng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen trắng, biển số đăng ký 23N1 - 091.87 từ hướng trong thôn Q đi đến. Sùng Mí C đứng ở giữa đường cầm dao và chặn xe mô tô anh Giàng L, anh G dừng xe lại và ngồi trên yên xe, Sùng Mí C tiến đến đứng trước đầu xe mô tô, tay trái nắm vào cổ tay trái của anh G *(tay trái anh G đang cầm nắm tay lái phía bên trái của xe),* Sùng Mí C không nói gì, tay phải cầm dao dơ lên đâm thẳng theo chiều hướng từ trái qua phải về phần ngực phải anh G, theo phản xạ anh G xoay người tránh sang bên phải từ trước về sau. Sùng Mí C thu dao về tiếp tục dơ dao lên chém liên tiếp về phía người anh G 02 phát, trong đó 01 phát trúng vào phần mặt sau cánh tay trái; 01 phát trúng vào phần mặt trước cánh tay phải, khi bị chém anh G xuống xe mô tô định bỏ chạy nhưng tay trái Sùng Mí C vẫn đang cầm giữ cổ tay trái anh G kéo lại nên G không chạy được, tiếp đó Sùng Mí C tay phải cầm dao chém liên tiếp thêm 05 phát về vùng lưng phía sau người anh G trong đó: 01 phát trúng vào vùng bả vai trái, 02 phát trúng vào phần mạng xườn bên trái phía sau, 01 phát trúng vào vùng thắt lưng trái, 01 phát vào hông trái, anh G tiếp tục giằng co thì tay trái thoát ra khỏi tay của Sùng M3 Cho rồi bỏ chạy xuống vườn ngô bên cạnh đường.

Thấy anh G bỏ chạy C không đuổi theo mà lấy chiếc xe mô tô của anh G rồi quay đầu xe nổ máy điều khiển xe mô tô đi vào trong thôn di chuyển được khoảng 01 Km đến khu vực đầu thôn Q *(hướng đi thôn H, xã S)* gặp anh Thào Mí M4, sinh năm 1991, là người cùng thôn đang trên đường di chuyển bằng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đen đỏ, biển số đăng ký 23N1 - 085.12 đi ngược chiều với Sùng Mí C. Thấy anh M4, C dừng xe mô tô lại, xuống xe cầm dao và chặn xe M4. M4 cũng dừng xe mô tô lại và vẫn ngồi trên yên xe mô tô, S Cho tiến đến đứng trước đầu xe anh M4 tay trái đặt lên bả vai phải anh M4 và hỏi về việc vợ con của C nhưng anh M4 trả lời không biết. Sau đó Sùng Mí C cầm dao nhọn đâm 01 phát từ phải qua trái, từ dưới lên trên trúng vào vùng ngực phải anh M4 khiến M4 ngã xuống nền đường bên phải xe mô tô, M4 lấy hai tay ôm vào phần ngực bị đâm và đứng dậy bỏ chạy hướng vào thôn Q, vừa chạy về phía trước vừa kêu cứu, Sùng Mí C cầm dao đuổi theo phía sau được khoảng 02 mét thì C cầm dao đâm 01 phát về phía sau lưng anh M4 trúng vào phần bả vai bên trái, anh M4 tiếp tục bỏ chạy được khoảng 40 mét thì ngã gục xuống đường theo tư thế nằm sấp úp mặt xuống đường bê tông, lúc này Sùng Mí C đuổi kịp và tiếp tục cầm dao đâm thêm 01 phát từ trên xuống dưới trúng vào vùng đùi phía sau bên phải của M4 khiến M4 nằm bất động.

Nhìn thấy M4 nằm bất động, Sùng Mí C tiếp tục cầm dao quay lại đi bộ dọc theo đường bê tông được khoảng 30 mét *(hướng đi về phía thôn H, xã S)* gặp anh Sùng Mí N, sinh năm 1989, trú tại thôn Q, xã S đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn đỏ đen bạc, biển số đăng ký 23L1 - 067.04 đi một mình hướng từ thôn H về, đi phía sau cách anh N khoảng 10 mét là anh Thào Mí C1, sinh năm 1996 trú tại thôn Q cũng đang điều khiển xe mô tô một mình đi phía sau anh N. Sùng Mí C cầm dao dơ ngang đường chặn xe mô tô của anh N lại, khi anh N dừng xe mô tô lại Cho tiến lại gần đầu xe anh N cách khoảng 01 mét, C

hỏi anh N *"mày thích chết hay thích sống, chúng mày làm ma hành hạ tao thế này, tao giết chúng mày chết hết"*, N trả lời *"thích sống"*. C cầm dao chém 03 phát liên tiếp từ phải qua trái, từ sau về trước về phía ngực trái N, N nghiêng người sang bên phải nên phát đầu tiên C chém trượt vào vùng áo vai trái của N, phát thứ hai C chém trượt qua vùng áo cẳng tay trái N, phát thứ ba C dùng dao chém theo hướng từ phải qua trái, chéch chéo từ trên xuống dưới trúng vào vùng má bên trái N. Sau đó N xuống xe mô tô dùng hai tay ôm chặt lấy Sùng Mí C vật ngã ra đường, cùng lúc này anh C1 chạy đến cùng anh N khống chế Sùng Mí C, đồng thời hô hoán người dân đến khống chế, bắt giữ Sùng Mí C và báo cáo sự việc đến lực lượng Công an.

Hậu quả: Thào Mí M4 mất máu cấp, do vết thương thấu ngực, thủng phổi, trên người bị đa vết thương dẫn đến tử vong, Sùng Mí G thương tích 07% *(Bảy phần trăm)* và Sùng Mí N thương tích 03% *(Ba phần trăm)*.

**** Kết luận giám định:***

- Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 1033/KLGĐTT-KTHS ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận nguyên nhân chết của Thào Mí M4 là mất máu cấp, do vết thương thấu ngực, thủng phổi, trên người bị đa vết thương; Cơ chế hình thành thương tích trên thân thể Thào Mí M4 là do vật sắc nhọn gây ra.

- Tại Bản kết luận giám định số: 502/25/KLGDADN-PYQG ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Viện Pháp y Q đối với giám định ADN, kết luận:

+ Thử định tính phát hiện nhanh dấu vết máu người trên các mẫu ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 (Các mẫu A1, A2, A3, A4, A5, A6 là dấu vết màu nâu đỏ thu tại hiện trường; các mẫu A7 là chiếc dép trái, dạng dép tổ ong, A là con dao nhọn, A9 là chiếc chìa khoá xe mô tô thu tại hiện trường): Dương tính.

Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A1 trùng khớp với ADN của Sùng Mí G trên tất cả các locus STR đã so sánh. Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A3, A5, A9 trùng khớp với ADN của Sùng Mí N trên tất cả các locus STR đã so sánh. Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A2, A4, A6, A7 trùng khớp với ADN của Thào Mí M4 trên tất cả các locus STR đã so sánh. Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A8 có hiện diện các alen của của Sùng Mí N và Thào Mí M4 trên tất cả các locus STR đã phân tích.

- Tại Bản Kết luận giám định số 1205/KL-KTHS, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T đối với: 01 (Một) con dao, có tổng chiều dài 46,4 cm, bản dao rộng nhất 4,5 cm, loại đầu nhọn, một lưỡi sắc, lưỡi dao phần kim loại dài 31,4 cm, chuôi bằng gỗ phần đo được dài 15 cm, kết luận:

+ Mẫu vật gửi giám định là Dao sắc, nhọn, thuộc mục 1, phụ lục 5 "Danh mục dao có tính sát thương cao" Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C5.

- Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 80/KLGĐ, ngày 14/10/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đối với bị cáo Sùng Mí C2, kết luận:

+ Sùng Mí C2, sinh năm 1995, trú tại thôn Q, xã S, tỉnh Tuyên Quang bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, bệnh có mã F10.5. (Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi).

+ Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 18/8/2025, Sùng Mí C bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, Sùng Mí C mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi.

+ Hiện tại (tại thời điểm giám định) Sùng Mí C bị bệnh: Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, giai đoạn khỏi bệnh. Sùng Mí C đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 64A/KLTTCT-TTGĐYK&PY, ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y tỉnh T đối với tỷ lệ phần trăm tổn thương trên cơ thể của Sùng Mí N, sinh năm 1989, trú tại thôn Q, xã S, tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

+ Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019, của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Sùng Mí N tại thời điểm giám định là: 03% *(Ba phần trăm).*

+ Cơ chế, vật gây thương tích: Thương tích để lại sẹo vùng má bên trái là do vật sắc tác động gây nên.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 65A/KLTTCT-TTGĐYK&PY, ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y tỉnh T đối với tỷ lệ phần trăm tổn thương trên cơ thể của Sùng Mí G, sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Sẹo 1/3 trên mặt trước cánh tay phải: 01%; Sẹo 1/3 trên mặt sau ngoài cánh tay trái: 01%; Sẹo vùng bả vai trái: 01%; Sẹo vùng lưng trái tương ứng xương sườn số 8: 01%; Sẹo vùng lưng trái tương ứng xương sườn số 9: 01%; Sẹo vùng thắt lưng trái: 01%; Sẹo vùng gai chậu trái: 01%.

+ Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019, của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Sùng Mí G tại thời điểm giám định là: 07%.

+ Cơ chế, vật gây thương tích: Thương tích để lại sẹo 1/3 trên mặt trước cánh tay phải, sẹo 1/3 trên mặt sau ngoài cánh tay trái, sẹo vùng bả vai trái, sẹo vùng lưng trái, sẹo vùng gai chậu trái là do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL ngày 07/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xã S, tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen trắng, biển kiểm soát 23N1 - 091.87; số máy JC52E5122257; số khung 5236CY467364, dung tích 109cm^3; đăng ký ngày 18/4/2017, là xe mô tô của Sùng Mí G có giá trị là 3.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 46/CT-VKSTQ-P1, ngày 31 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Sùng M3 Cho về tội "*Giết người*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 và tội "*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Sùng M3 Cho phạm tội "*Giết người*" và tội "*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b (đối với tội Giết người), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng M3 Cho từ 17 đến 18 năm tù về tội "Giết người"; từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội là từ 18 năm đến 19 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (19/8/2025); không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Sùng M3 Cho với đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Thào Thị C3, sinh ngày 15/12/2019; cháu Thào Mí G1, sinh ngày 13/10/2021; cháu Thào Mí S3, sinh ngày 27/8/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 700.000 đồng/tháng/cháu.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý vật chứng, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt đối với mỗi tội theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Sùng Mí C nhất trí luận cứ bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì và cũng không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; nhất trí với đề nghị của đại diện hợp pháp của bị hại Thào Mí M4 về khoản tiền hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Đại diện hợp pháp của bị hại Thào Mí M4 xác nhận đã nhận khoản tiền 108.400.000 đồng là tiền chi phí mai táng, tổn thất tinh thần... của gia đình bị cáo. Đề nghị thêm về việc bị cáo phải hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con (03 cháu) của bị hại với số tiền là 700.000đ/tháng/cháu và đề nghị xét xử hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại Sùng Mí G, Sùng Mí N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Sùng Mí C tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định; lời khai của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Do từ ý nghĩ hoang tưởng, ảo giác nên khoảng 06 giờ 15 phút ngày 18/8/2025, Sùng Mí C đã thực hiện hành vi sử dụng 01 con dao kim loại dạng dao nhọn một lưỡi sắc, gắn chuôi gỗ dạng hình trụ tròn, tổng chiều dài 46,4 cm là vũ khí quân dụng đâm ông Sùng Mí G 07 phát *(trong đó 01 phát trúng vào phần mặt sau cánh tay trái; 01 phát trúng vào phần mặt trước cánh tay phải; 01 phát trúng vào vùng bả vai trái, 02 phát trúng vào phần mạng xườn bên trái phía sau, 01 phát trúng vào vùng thắt lưng trái, 01 phát vào hông trái);* đâm ông Thào Mí M4 03 phát *(trong đó 01 phát trúng vào vùng ngực phải, 01 phát trúng bả vai bên trái, 01 phát vào phía sau đùi);* đâm Sùng Mí N 03 phát liên tiếp *(trong đó 01 phát trượt vào vùng áo vai trái, phát thứ hai trượt qua áo cẳng tay trái N, phát thứ ba trúng vào má bên trái N).* Hậu quả ông Thào Mí M4 bị tử vong ngay tại chỗ, Sùng Mí G bị thương tích 07% *(Bảy phần trăm)*, Sùng Mí N bị thương tích 3% *(Ba phần trăm)*.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Sùng Mí C bị bệnh Rối loạn loạn thần do sử dụng rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, Sùng Mí C mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi.

Kết quả điều tra đã xác định, trong sinh hoạt đời sống, làm việc, bị cáo Sùng Mí C thường xuyên uống rượu. Điều 13 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự"*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Sùng Mí C về "*Giết người*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 và tội "*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến tính mạng người khác được pháp luật bảo vệ. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[3]. Về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị xét phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động gia đình, bồi thường cho gia đình bị hại Thào Mí M4 số tiền 108.400.000 đồng; bồi thường cho bị hại Sùng Mí G số tiền là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, bị hại N không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại Thào Mí M4 là chị Lầu Thị V tiếp tục yêu cầu bị cáo phải hỗ trợ cấp dưỡng nuôi dưỡng 03 người con chung của chị với bị hại M4 là Thào Thị C3, sinh ngày 15/12/2019; cháu Thào Mí G1, sinh ngày 13/10/2021; cháu Thào Mí S3, sinh ngày 27/8/2024 là 700.000đ/tháng/cháu, kể từ tháng 4/2026 trở đi, chị Lầu Thị V là người đại diện hợp pháp của các cháu nhận tiền, bị cáo nhất trí nên HĐXX công nhận sự thoả thuận ở trên.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 chiếc dép (03 chiếc trái; 02 chiếc dép phải); 01 (Một) con dao kim loại; 01 (Một) áo khoác màu đen; 01 (Một) áo phông cộc tay; 01 (Một) quần dài màu nâu vàng; 01 (Một) chiếc áo khoác màu xanh - đen; 01 (Một) chiếc áo khoác màu đen; 01 (Một) chiếc quần vải dài màu đen; 01 (Một) chiếc thắt lưng; 01 (Một) áo dài tay màu đen; 01 (Một) áo phông cộc tay màu trắng xanh. Đây là các đồ vật có liên quan đến hành vi phạm tội và cũng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra còn thu giữ 01 (Một) chiếc chìa khoá xe mô tô và 01 (Một) xe mô tô biển số đăng ký 23N1 - 085.12, nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen của bị hại Thào Mí M4; thu giữ 01 (Một) xe mô tô biển số đăng ký 23L1 - 067.04, nhãn hiệu Wave ALPHA, màu sơn đỏ đen bạc của bị hại Thào Mí N2 và thu giữ 01 xe mô tô biển số đăng ký 23N1 - 091.87, nhãn hiệu Honda Wave RSX, mầu sơn đỏ đen trắng kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô - xe mang tên Sùng Mí G2. Đây là các tài sản không liên quan đến việc phạm tội, cần tuyên trả cho các chủ sở hữu hợp pháp.

[6]. Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí, quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo Sùng Mí C là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí Hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8]. Về các vấn đề khác: Đối với hành vi Sùng Mí C lấy chiếc xe mô tô của anh Sùng Mí G điều khiển đi, C không có mục đích chiếm đoạt và chỉ lấy đi nhằm

mục đích tìm vợ do ảo tưởng và khi thực hiện việc lấy chiếc xe mô tô của anh G bị cáo đang mất năng lực điều khiển hành vi của bản thân (vô thức). Do vậy cư quan điều tra không đề cập xử lý về tội Cướp tài sản, nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Sùng Mí C phạm tội "*Giết người*" và tội "*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".*

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm b (đối với tội Giết người), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng Mí C 17 (Mười bảy) năm tù về tội "Giết người"; 01 (Một) năm tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (19/8/2025).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591 và 468 Bộ luật dân sự

Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Sùng Mí C và chị Lầu Thị V (là đại diện hợp pháp) của bị hại Thào Mí M4 như sau: Bị cáo Sùng Mí C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Thào Thị C3, sinh ngày 15/12/2019; cháu Thào Mí G1, sinh ngày 13/10/2021; cháu Thào Mí S3, sinh ngày 27/8/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng là 700.000 đồng/tháng/cháu (Bảy trăm nghìn đồng/01 tháng/01 cháu) kể từ tháng 4/2026 trở đi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện hằng tháng (mỗi tháng một lần) do chị Lầu Thị V là mẹ đẻ của các cháu (đại diện hợp pháp) nhận tiền.

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lầu Thị V (là đại diện hợp pháp) của bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm nộp thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 05 chiếc dép (03 chiếc trái; 02 chiếc dép phải); 01 (Một) con dao kim loại; 01 (Một) áo khoác màu đen; 01 (Một) áo phông cộc tay; 01 (Một) quần dài màu nâu vàng; 01 (Một) chiếc áo khoác màu xanh - đen; 01 (Một) chiếc áo khoác màu đen; 01 (Một) chiếc quần vải dài màu đen; 01 (Một) chiếc thắt lưng; 01 (Một) áo dài tay màu đen; 01 (Một) áo phông cộc tay màu trắng xanh.

- Trả lại cho chị Lầu Thị V là đại diện hợp pháp của bị hại Thào Mí M4 01 (Một) chiếc chìa khoá dạng chìa khoá xe mô tô, cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô biển số đăng ký 23N1 - 085.12, nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen; số máy JA31E0130414; số khung RLHJA3117EY067441.

- Trả lại cho anh Sùng Mí N 01 (Một) xe mô tô biển số đăng ký 23L1 - 067.04, nhãn hiệu Wave ALPHA, màu sơn đỏ đen bạc; số máy HC12E7023852; số khung RLHHC1251FY023791.

- Trả lại cho anh Sùng Mí G 01 (Một) xe mô tô biển số đăng ký 23N1 - 091.87, nhãn hiệu Honda Wave RSX, mầu sơn đỏ đen trắng; số máy JC52E5122257; số khung 5236CY467364 kèm theo 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004968 mang tên Sùng Mí G; 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô - xe gắn máy số AA26/0478258 mang tên Sùng Mí Giàng .

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 26/01/2026).

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm, Dân sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng Mí C.

- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện Phúc thẩm VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Những người tham gia tố tụng;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Tuyết Mai